

BÁO CÁO THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Trên toàn địa bàn

Kỳ báo cáo: 01/05/2022 đến 31/05/2022 Khóa sổ: 01/05/2022 đến: 31/05/2022

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022		Thực hiện năm 2022		So sánh TH/DT năm 2022	
		Cấp trên giao	HĐND huyện giao	Thực hiện 5 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Cấp trên giao (%)	HĐND huyện giao (%)
1	2	3	4	5	6	(7=6/3)	(8=6/4)
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	603.865	615.900	463.910	530.913	87,92	86,20
1	Thu nội địa	120.310	132.345	54.465	71.290	59,26	53,87
	Thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết	102.750	113.025	45.792	56.290	54,78	49,80
	Trong đó:						
1.1	Tỉnh quản lý thu	37.960	42.515	16.846	24.525	64,61	57,69
	- Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương	6.200	6.944	5.467	5.500	88,71	79,21
	- Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	2.010	2.251	5.227	5.500	273,63	244,34
	- Thu từ khu vực công thương - NQD	14.660	16.419	4.049	6.000	40,93	36,54
	- Phí, lệ phí	770	862	231	380	49,35	44,08
	- Thuế thu nhập cá nhân	1.400	1.568	713	800	57,14	51,02
	- Tiền thuê đất	2.500	2.800	127	270	10,80	9,64
	- Thu khác ngân sách	250	280	75	115	46,00	41,07
	- Thu tiền sử dụng đất	10.000	11.200		5.000	50,00	44,64
	- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	170	190	957	960	564,71	505,26
1.2	Huyện quản lý thu	82.350	89.830	37.619	46.765	56,79	52,06
	- Thu từ khu vực công thương - NQD	36.000	39.350	13.657	18.160	50,44	46,15
	- Thuế thu nhập cá nhân	5.000	5.377	2.337	2.800	56,00	52,07
	- Lệ phí trước bạ	12.350	13.585	6.155	7.500	60,73	55,21
	- Thuế bảo vệ môi trường						
	- Phí, lệ phí	4.000	4.128	2.045	2.700	67,50	65,41
	- Tiền thuê đất	600	600	546	640	106,67	106,67
	- Thu tiền sử dụng đất	20.000	22.000	8.671	10.000	50,00	45,45
	- Thuế sử dụng đất Phi nông nghiệp	200	220	69	360	180,00	163,64
	- Thu hoa lợi công sản	500	500	204	320	64,00	64,00
	- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	700	770	285	285	40,71	37,01
	- Thu khác ngân sách	3.000	3.300	3.650	4.000	133,33	121,21
2	Các khoản huy động đóng góp			3.542	3.542		
3	Thu chuyên nguồn			140.175	140.175		
4	Thu kết dư						
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	483.555	483.555	265.658	315.658	65,28	65,28
6	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			70	248		

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022		Thực hiện năm 2022		So sánh TH/DT năm 2022	
		Cấp trên giao	HĐND huyện giao	Thực hiện 5 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Cấp trên giao (%)	HĐND huyện giao (%)
B	Tổng thu ngân sách địa phương	587.537	597.935	453.136	513.660	87,43	85,91
1	Thu nội địa	103.982	114.380	43.691	54.037	51,97	47,24
	<i>Trong đó: Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, GTGC tiền thuê đất và XSKT</i>	88.982	97.880	35.020	44.037	49,49	44,99
2	Thu chuyển nguồn			140.175	140.175		
3	Thu kết dư						
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	483.555	483.555	265.658	315.658	65,28	65,28
5	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			70	248		
6	Các khoản huy động đóng góp			3.542	3.542		
C	Tổng chi ngân sách địa phương	587.537	597.935	206.918	297.478	50,63	50,63
C1	Chi trong cân đối NSDP	587.537	587.537	206.918	297.478	50,63	50,63
1	Chi đầu tư phát triển	91.810	91.810	21.750	49.630	54,06	54,06
2	Chi thường xuyên	487.461	487.461	185.098	247.600	50,79	50,79
	<i>Trong đó:</i>						
	- Chi quốc phòng	6.256	6.256	6.330	7.000	111,89	111,89
	- Chi an ninh	2.904	2.904	1.238	1.500	51,65	51,65
	- Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	167.794	167.794	67.706	87.000	51,85	51,85
	- Chi SN y tế	11.955	11.955	3.300	5.000	41,82	41,82
	- Chi SN văn hóa thông tin	3.562	3.562	1.520	2.000	56,15	56,15
	- Chi SN phát thanh, truyền hình	2.115	2.115	436	700	33,10	33,10
	- Chi SN thể dục, thể thao	1.602	1.602	535	800	49,94	49,94
	- Chi SN đảm bảo xã hội	82.345	82.345	44.597	55.000	66,79	66,79
	- Chi SN kinh tế	95.316	95.316	15.570	30.000	31,47	31,47
	- Chi SN môi trường	4.000	4.000	1.253	2.000	50,00	50,00
	- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	107.781	107.781	41.343	55.000	51,03	51,03
	- Chi khác	1.831	1.831	1.271	1.600	87,38	87,38
3	Chi nộp NS cấp trên			70	248		
	Dự phòng ngân sách	8.266	8.266	6.635	6.635	80,27	80,27
C2	Chi từ nguồn HĐND huyện tăng thu so với DT tỉnh giao		10.398				0,00